

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 14 - 8 - 2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Vinh.

2. Ông Lê Thanh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Y, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Tu C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: C, D, E Đài Loan (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Y trình bày: Chị và anh Tu C có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn, đến tháng 11/2020 anh Tu C làm thủ tục bảo lãnh chị sang chung sống tại Đài

Loan khoảng 04 tháng. Thời gian chung sống, chị và Tu C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, tính tình không hợp nhau, anh Tu C không quan tâm chị. Nay chị Lê Y yêu cầu được ly hôn với anh Tu C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Y khai không có.

Đối với bị đơn là anh Tu C, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho anh Tu C, nhưng anh Tu C vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Y đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị Lê Y được ly hôn với anh Tu C theo quy định pháp luật. Riêng về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Y, địa chỉ thường trú tại ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Hậu Giang, có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tu C cư trú tại Đài Loan. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Bị đơn anh Tu C đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Anh Tu C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án và không gửi văn bản nêu ý kiến để phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Y. Căn cứ vào khoản 1 Điều 474, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tu C.

Đối với chị Lê Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Y và anh Tu C đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét thấy, sau khi kết hôn chị Lê Y và anh Tu C chung sống tại Đài Loan khoảng 04 tháng. Thời gian chung sống, chị Lê Y cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, tính tình không hợp nhau, anh Tu C không quan tâm, chăm sóc cho chị. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Y và anh Tu C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Lê Y được ly hôn với anh Tu C là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Y khai không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; lệ phí ủy thác tư pháp; chi phí dịch thuật hồ sơ ủy thác tư pháp (Thông báo về việc thụ lý vụ án): Chị Lê Y phải chịu theo quy định.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Y được ly hôn với anh Tu C.
2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Lê Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0000198 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Y phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Lê Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0000226 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.

4. Về chi phí dịch thuật hồ sơ ủy thác tư pháp (Thông báo về việc thụ lý vụ án): Chị Lê Y phải chịu 1.400.000 đồng (đã nộp xong).

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- UBND huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Đình Nghệ